TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 111/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 817/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà T, sinh năm 1970;

2. Ông Đ, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: đường số M, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2019 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tvà ông Đ thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông Đ có hai con chung là Q (nam), sinh ngày 15/3/1991 (đã trưởng thành) và L (nữ), sinh ngày 27/7/2003; bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L sau khi ly hôn, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 0I ngày 01 tháng 12 năm 1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà T và ông Đ có hai con chung là Q (nam), sinh ngày 15/3/1991 (đã trưởng thành) và L (nữ), sinh ngày 27/7/2003; bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L sau khi ly hôn, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà T và ông Đ cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0026397 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ và bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận X;
- UBND phường Tân Quy, Quận X;
- Lưu (Thùy)[10].

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ